

BẢO ĐẢM QUYỀN THAM GIA CHÍNH TRỊ CỦA PHỤ NỮ TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HOÁ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

TRẦN THỊ HOÈ^()*

Quýền tham gia chính trị của phụ nữ là quyền thuộc nhóm quyền dân sự, chính trị. Đây là một trong những quyền cơ bản trong hệ thống các quyền con người được Liên Hợp Quốc đề cập trong nhiều văn kiện quốc tế như: Công ước về các quyền chính trị của phụ nữ (1952), Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (1966), Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (1979). Mặc dù các Công ước trên đã quy định một cách khá đầy đủ các quyền tham gia chính trị của phụ nữ, nhưng trong thực tế, tỷ lệ nữ tham gia vào đời sống chính trị và công cộng của bất cứ quốc gia nào đều rất thấp so với nam giới, ở rất nhiều nơi trên thế giới, quyền tham gia trên lĩnh vực chính trị của phụ nữ luôn bị vi phạm, họ không được tham gia bầu cử, ứng cử, bị coi là người “ngoài cuộc” của các vấn đề về chính trị, kinh tế, xã hội. Do đó, bảo đảm quyền tham gia chính trị một cách bình đẳng của phụ nữ là trách nhiệm của tất cả các chính phủ, các đảng phái, các tổ chức chính trị xã hội trên thế giới, trong đó có Việt Nam

1. Chính sách, pháp luật Việt Nam với việc bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ

Là một quốc gia chịu nhiều ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo, song vấn đề bình đẳng nam nữ ở Việt Nam đã được đề cập đến từ rất sớm. Xét về khía cạnh văn hoá, lịch sử đã ghi lại công lao của những phụ nữ có công lớn trong sản xuất, chiến đấu và quản lý xã hội như: Bà Trưng, Bà Triệu, Nữ tướng Lê Chân, Bùi Thị Xuân... Về khía cạnh pháp lý, có thể khẳng định rằng, ngay từ trong xã hội phong kiến, xã hội mà tư tưởng trọng nam khinh nữ được đề cao nhất thì ở Việt Nam, quyền bình đẳng nam nữ đã được đề cập trong Bộ Luật Hồng Đức (Bộ luật thời nhà Lê) cách đây từ nhiều thế kỷ. Bộ luật đã thể hiện những tư tưởng tiến bộ nhất về quyền của phụ nữ, quyền bình đẳng nam nữ, về bảo vệ lợi ích của phụ nữ như: bảo vệ quyền và lợi ích của phụ nữ trong hôn nhân và gia đình, nghiêm khắc xử phạt

(*) ThS., Viện Nghiên cứu quyền con người, Học viện Chính trị – Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

những hành vi xâm hại phụ nữ, quan tâm đến những phụ nữ bị bất hạnh, không nơi nương tựa...

Kế thừa những truyền thống quý báu đó, trong “Chánh cương sách lược vắn tắt của Đảng”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là *“đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Nam hoàn toàn được độc lập và thực hiện nam nữ bình quyền”*. Chính vì vậy, ngay sau khi giành được độc lập Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm đến việc bảo đảm quyền con người của phụ nữ nói chung và quyền tham gia chính trị của phụ nữ nói riêng, coi đó là một trong những mục tiêu lớn, một chương trình hành động thiết thực nhằm đảm bảo và thực hiện tốt các quyền con người. Ngày 3/9/1945, tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả công dân trai gái 18 tuổi đều có quyền bầu cử và ứng cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống...” (1, tr.8). Như vậy, phụ nữ đã sớm được công nhận quyền tham gia chính trị ngay trong cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên của dân tộc. Đó là kết quả của những thành công mang tính lịch sử và thời đại. Trên thực tế, việc thừa nhận quyền bình đẳng của phụ nữ trong lĩnh vực bầu cử, ứng cử thể hiện tinh thần đại đoàn kết dân tộc, gắn độc lập dân tộc với quyền lợi sống còn của toàn dân. Việc xác nhận quyền tham gia chính trị của phụ nữ xuất phát từ *bản chất nền dân chủ của cách mạng Việt Nam*, một nền dân chủ cách mạng dành quyền cho

đa số thì không thể loại bỏ phụ nữ ra khỏi chế độ bầu cử, ứng cử. Do đó, bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ thông qua bầu cử, ứng cử, tham gia quản lý nhà nước và xã hội là mục tiêu của sự nối tiếp trung thành và có hiệu quả những mục tiêu ban đầu của cách mạng Việt Nam, phù hợp với quan điểm văn minh và phát triển hiện nay của thế giới.

Bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ được mở rộng và cụ thể hoá hơn trong Hiến Pháp 1946- Hiến pháp đầu tiên của nhà nước Việt Nam như “Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện” (điều 9); “ Mọi công dân đều bình đẳng về quyền trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, văn hoá” (điều 6). Những quy định trên đã đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại về địa vị pháp lý của người phụ nữ Việt Nam. Chỉ sau một năm nước nhà được thành lập, quyền bình đẳng của phụ nữ Việt Nam trên mọi phương diện đã được luật pháp thừa nhận và thực hiện trong thực tế. Điều này không phải quốc gia nào trên thế giới cũng làm được, chẳng hạn ở Mỹ, một quốc gia tự xưng là đảm bảo dân chủ tốt nhất nhưng tính từ thời điểm Hiến pháp Mỹ được soạn thảo năm 1787 (có hiệu lực năm 1789) thì đến năm 1920, tức là sau 133 năm, phụ nữ Mỹ mới được ghi nhận có quyền bình đẳng với nam giới về bầu cử, ứng cử. Ở Anh, phụ nữ được công nhận quyền bầu cử vào năm 1928. Ở Pháp đến năm 1944, phụ nữ Pháp mới được thừa nhận quyền được bầu cử, ứng cử. Phụ nữ Thụy Sĩ năm 1971 mới được đi bầu cử. Phụ nữ Liechtenstein đến năm 1984 được đi bầu cử. Phụ nữ Kuwait cho mãi

tối năm 1991 mới được thừa nhận quyền bầu cử của mình. Đó là chưa kể một số quốc gia tính đến thời điểm hiện nay, phụ nữ vẫn chưa được ghi nhận các quyền bình đẳng quan trọng này.

Xét trên phương diện pháp luật quốc tế, vào thời điểm đó, khi mà Việt Nam đã công nhận nam nữ có quyền bình đẳng thì vấn đề bình đẳng nam nữ trong luật pháp quốc tế mới được đề cập đến một cách định hướng trong Lời nói đầu và điều 1 của Hiến chương Liên Hợp Quốc (1945) và đến Tuyên ngôn thế giới về quyền con người được thông qua ngày 10/12/1948, quyền bình đẳng nam nữ mới được đề cập đến một cách cụ thể hơn, nhưng chủ yếu vẫn ở dưới dạng gián tiếp, thông qua nguyên tắc bình đẳng trong việc hưởng thụ các quyền con người của tất cả mọi người. Gần 8 năm sau đó, các quyền bình đẳng của phụ nữ trong việc tham gia quản lý nhà nước và xã hội mới chính thức được ghi nhận một cách đầy đủ, chi tiết trong Công ước về các quyền chính trị của phụ nữ năm 1952 và 14 năm sau (1966), quyền bình đẳng của phụ nữ trên tất cả các lĩnh vực dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá mới được ghi nhận trong Công ước quốc tế quan trọng về quyền con người, đó là Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị. Và sự ra đời của Công ước về việc xoá bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (1979) đã đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc đảm bảo các quyền chính trị của phụ nữ bằng các điều 7 và 8, trong đó còn quy định cụ thể trách nhiệm của các quốc gia trong việc tiến hành các biện pháp nhằm đảm bảo cho phụ nữ được tham gia vào đời sống

chính trị, xã hội của đất nước cũng như trong các quan hệ quốc tế một cách bình đẳng.

Trên cơ sở những nguyên tắc hiến định của Hiến pháp 1946, các Hiến pháp 1959, 1980 được bổ sung và ban hành cho phù hợp với tình hình thực tiễn của đất nước, trong đó, các quy định về quyền tham gia bình đẳng của phụ nữ trên lĩnh vực chính trị không ngừng được mở rộng và bổ sung qua các bản Hiến pháp 1959, 1980, 1992 và Hiến pháp 1992 sửa đổi. Điều 54, Hiến pháp 1992 quy định “ Công dân, không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, đủ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật”, “... Công dân nam và nữ có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình” (điều 63)...Từ những quy định của Hiến pháp, Nhà nước ta đã sửa đổi, ban hành nhiều bộ luật mới, quan trọng như: Bộ Luật Dân sự, Luật Quốc tịch, Luật Lao động, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Bầu cử Quốc hội, Luật Bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, Luật Bình đẳng giới....tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc ghi nhận, bảo vệ và thực hiện quyền tham gia chính trị bình đẳng giữa nam và nữ.

Đi đôi với việc sửa đổi, ban hành các đạo luật, trong thời kỳ Đổi mới, Đảng và Nhà nước ta còn đưa ra nhiều chính sách nhằm cải thiện cuộc sống và tăng cường vai trò của phụ nữ trong các hoạt động quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Từ năm 1986 trở lại đây, một loạt các

chính sách nhằm tăng cường đội ngũ cán bộ nữ đã được Bộ Chính trị và Ban chấp hành Trung ương Đảng ban hành như: Nghị quyết 04-NQ/TW ngày 12/7/1993 về “Đổi mới, tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới”; Chỉ thị 37-CT/TW ngày 16/5/1994 của Ban Bí thư về “Một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới”... Các văn kiện này đã xác định rõ đường lối, chính sách của Đảng là nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của phụ nữ, củng cố, tăng cường vị trí, vai trò thúc đẩy và bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ trong xã hội, đồng thời đề ra phương hướng, chiến lược quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng lao động nữ nói chung, cán bộ nữ nói riêng, tạo điều kiện và cơ hội cho phụ nữ tham gia ngày càng nhiều hơn vào việc quản lý nhà nước và xã hội. Đặc biệt, Chỉ thị 37 còn quy định rõ: cần đảm bảo ít nhất 20% vị trí lãnh đạo trong bộ máy tổ chức Đảng, Nhà nước, các đoàn thể quần chúng là do phụ nữ đảm nhiệm.

Những chủ trương, chính sách và các văn bản pháp luật của Đảng và Nhà nước ta đã tạo ra một bước chuyển biến mới cả về lượng và chất trong việc bảo đảm quyền tham gia chính trị bình đẳng của phụ nữ ở nước ta, tạo cơ sở pháp lý hữu hiệu cho việc thực thi quyền bình đẳng nam nữ trên thực tế.

2. Một số thành tựu bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ Việt Nam

Về quyền bầu cử, ứng cử: Quyền bầu cử là một quyền nằm trong nhóm quyền chính trị, bao gồm quyền đề cử, bỏ phiếu và quyền được bầu vào cơ quan đại diện. Bằng những chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước cùng

với những quy định cụ thể, xác thực trong hệ thống pháp luật Việt Nam về quyền bình đẳng của phụ nữ, trong những năm qua, quyền bầu cử của phụ nữ Việt Nam đã thu được những kết quả rất đáng tự hào. Theo số liệu thống kê của Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ, tỷ lệ phụ nữ đi bầu cử ở các cấp đều đạt trên 90%. Chẳng hạn theo số liệu thống kê trong cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân khoá 1999- 2004, tổng số cử tri nữ trong danh sách của 61 tỉnh, thành là 24.337.010 người thì có 23.811.373 người đi bầu, chiếm tỷ lệ 97,84%.

Không chỉ thực hiện tốt quyền bầu cử, ứng cử ở Hội đồng nhân dân các cấp, trong bầu cử Đại biểu Quốc hội, tỷ lệ phụ nữ tham gia bầu cử còn đạt được thành tích tốt hơn. Trong cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội khoá 1997- 2002, tỷ lệ nữ tham gia bầu cử đạt 99,90%. Bên cạnh đó, tỷ lệ nữ là Đại biểu quốc hội liên tục tăng trong các khoá: khoá 1987 - 1992 là 17%; khoá 1992 - 1997 là 18,4%, khoá 1997 - 2002 là 26,22%; khoá 2002 - 2007 là 27,31%; khoá 2007- 2012 là 25,8%^(*). Mặc dù tỷ lệ này vẫn còn ở mức khiêm tốn so với một số quốc gia trên thế giới như: Phần Lan 39%; Na-Uy 35%; Thụy Điển 24%... nhưng Việt Nam vẫn là nước đứng đầu châu Á và xếp thứ 13 trên thế giới về tỷ lệ nữ tham gia Quốc hội (2). Cùng với sự gia tăng về số lượng của nữ Đại biểu Quốc hội, theo số liệu của báo cáo lần thứ hai của CEDAW, tỷ lệ nữ tham gia Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp cũng gia tăng đáng kể : cấp tỉnh, thành phố tăng từ 12,1% khoá 1989- 1994 lên 20,4%

(*) Nguồn: số liệu của Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ.

khoá 1994- 1997; cấp huyện, quận tăng từ 12,1% khoá 1989-1994 lên 18,4% khoá 1994- 1999. Và theo số liệu thống kê của Ban tổ chức cán bộ Chính phủ, trong cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp nhiệm kỳ 2004-2009, tỷ lệ nữ là đại biểu Hội đồng nhân dân ở cả 3 cấp đã tăng một cách rõ rệt. Cụ thể là ở cấp tỉnh, tỷ lệ nữ là Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đạt 23,83% (tăng 1,50%), cấp huyện, quận đạt 22,10% (tăng 1,98%), cấp xã, phường đạt 19,55% (tăng 2,99%). Nếu so sánh với chỉ tiêu trong Chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam 2010, chúng ta thấy tỷ lệ nữ là đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đều đạt xấp xỉ chỉ tiêu đề ra, riêng ở cấp xã, tỷ lệ nữ đại biểu còn vượt so với chỉ tiêu đề ra là 1,55% (thực tế đạt 19,55%, trong khi chỉ tiêu đề ra là 18%). Một kết quả đáng khích lệ là đại biểu Quốc hội là nữ của Việt Nam không chỉ có sự gia tăng về số lượng mà còn có sự chuyển biến cả về chất lượng. Nếu như trong Quốc hội khoá VII, tỷ lệ đại biểu có học vấn từ đại học trở lên chỉ chiếm 11,1% tổng số đại biểu Quốc hội nữ thì khoá VIII, tỷ lệ này là 58,9%, khoá X là 87,28%(*).

- Về quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội

Quyền tham gia chính trị bình đẳng của phụ nữ không chỉ được thể hiện ở quyền bầu cử, ứng cử mà còn thể hiện trong việc tham gia quản lý nhà nước và xã hội. Điều 53, Hiến pháp 1992 quy định: “Công dân có quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận các vấn đề chung của cả nước

và địa phương, kiến nghị với cơ quan nhà nước, biểu quyết khi nhà nước tổ chức trưng cầu dân ý”. Quy định trên đã tạo điều kiện và cơ hội cho phụ nữ tham gia quản lý nhà nước và xã hội và đã thu được nhiều kết quả đáng khích lệ. Theo số liệu thống kê của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam năm 2005, tỷ lệ phụ nữ là cán bộ lãnh đạo cấp uỷ ở Trung ương cũng như cấp uỷ ở tỉnh, thành phố, quận, huyện tăng: cấp Trung ương, khoá 1996-2000, trong Bộ Chính trị có một thành viên là nữ (chiếm 5,26%); trong Ủy ban kiểm tra Đảng có một nữ (chiếm 14,28%); 18 nữ giữ chức Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng (chiếm 10,58%). Ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nhiều cương vị lãnh đạo chủ chốt là phụ nữ như: khoá 1991-1995, có một phụ nữ giữ cương vị bí thư (chiếm 2,38%); 32 nữ trong Ủy ban thường vụ tỉnh, thành uỷ (chiếm 6,29%); 128 nữ là Ủy viên ban chấp hành (chiếm 9,78%). Phụ nữ giữ cương vị lãnh đạo liên tục tăng: khoá 1996-2000, chúng ta có 5 nữ giữ cương vị bí thư tỉnh uỷ (chiếm 8,2%); 55 nữ là uỷ viên thường vụ tỉnh, thành phố (chiếm 8,2%); 280 nữ là Ủy viên ban chấp hành (chiếm 11,25%). Tỷ lệ phụ nữ tham gia Ủy ban chấp hành cấp uỷ Đảng tỉnh thành khoá 2001-2005 là 11,01%; khoá 2005-2006 là 11,75%; cấp huyện thị khoá 2001-2005 là 12,59%; khoá 2005-2006 là 14,74%; cấp xã phường khoá 2001-2005 là 11,35%; khoá 2005-2010 là 15,08%. Không những đảm nhiệm cương vị lãnh đạo trong các cơ quan Đảng mà ở các cơ quan nhà nước, phụ nữ cũng đảm nhiệm một số chức vụ quan trọng. Chúng ta có 1 nữ giữ cương vị Phó Chủ tịch nước, 1 nữ là Phó Chủ tịch quốc hội,

(*) Nguồn số liệu của Quốc hội nước Cộng hoà XHCN Việt Nam

2 nữ là Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội, 5 nữ Bộ trưởng và tương đương (chiếm 11,9%); 11 người giữ chức thứ trưởng và tương đương (chiếm 7,3%), 30 nữ vụ trưởng, 54 nữ vụ phó, 17 tổng giám đốc, 148 phó tổng giám đốc^(*). Phụ nữ còn có mặt ở đại bộ phận cơ quan quản lý hành chính, sự nghiệp và doanh nghiệp Nhà nước, trong đó có 68,7% nữ cán bộ công chức, 32,4% nữ chủ doanh nghiệp, trên 30% trong ban chấp hành các cấp trong các tổ chức chính trị - xã hội là nữ....

Trong hoạt động ngoại giao, phụ nữ Việt Nam đã được tạo điều kiện để tham gia hoạt động trên lĩnh vực này. Theo thống kê, số cán bộ nhân viên ngoại giao là nữ ở nước ta chiếm 28%, trong đó 4 người giữ chức trợ lý Bộ trưởng; 4 người là đại sứ, tổng lãnh sự, 7 nữ là tham tán, 11 nữ là vụ trưởng và phó vụ trưởng Bộ Ngoại giao^(*).

Tham gia quản lý nhà nước và xã hội của phụ nữ Việt Nam còn được thể hiện trong việc thảo luận, đóng góp ý kiến về các chủ trương, chính sách, pháp luật, của Đảng và Nhà nước, đóng góp ý kiến về xây dựng và phát triển kinh tế văn hoá, xã hội của nhà nước, trường học, khu dân cư, tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước và xã hội. Những hoạt động trên của phụ nữ góp phần bảo đảm và phát huy một cách tốt nhất quyền bình đẳng của phụ nữ trên lĩnh vực tham gia hoạt động chính trị. Chỉ tính riêng trong khoảng thời gian từ 1992- 1997, đã có 3,6 triệu phụ nữ tham gia đóng góp được 1,6 triệu ý kiến trong quá

trình soạn thảo Luật Hôn nhân và Gia đình, Bộ luật Dân sự... Hiện tại, chúng ta có khoảng hơn 11 triệu phụ nữ, từ 18 tuổi trở lên là Hội viên Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (chiếm 60% tổng số phụ nữ và trẻ em gái). Lực lượng này đã và sẽ còn đóng góp nhiều hơn nữa cho việc hoạch định những chính sách kinh tế- xã hội có lợi cho đất nước.

Với những kết quả đạt được trên đây, phụ nữ Việt Nam đã thực sự được tham gia vào công tác lãnh đạo, quản lý trong hầu hết các hoạt động của đời sống kinh tế - chính trị - văn hoá - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, bên cạnh những thành quả đã đạt được trên đây, việc bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ vẫn còn nhiều bất cập. Số nữ tham gia công việc quản lý nhà nước và xã hội còn ít so với tỷ lệ dân số nữ. Là lực lượng chiếm trên 50,5% dân số và 50,6% lực lượng lao động xã hội, nhưng tỷ lệ nữ là đại biểu Quốc hội các khoá còn ít, khoá X: 26,22%, khoá XI: 27,31%, ở Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố nhiệm kỳ 1994- 1999 là 20,4%, cấp huyện, quận là 18%, cấp xã phường là 14,1%; nhiệm kỳ 2004-2009, tỷ lệ nữ trong Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố chỉ đạt 23,83%; cấp huyện, quận: 22,10%, cấp xã, phường: 19,55%. Điều đó có thể khẳng định rằng, càng xuống cấp cơ sở, tỷ lệ nữ trong các cơ quan dân cử càng ít, và nếu so sánh với Phần Lan: 39%, Na-Uy: 35%, thì chúng ta còn phải có nhiều nỗ lực hơn nữa.

Trong lĩnh vực bầu cử, ứng cử, tỷ lệ nữ đi bầu cử vẫn còn hạn chế hơn so với nam giới. Chẳng hạn, trong cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân khoá 1999- 2004, tỷ

^(*) Nguồn báo cáo Công ước CEDAW.

lệ nữ đi bầu cử so với danh sách cử tri đạt 97, 84%, trong khi đó, tỷ lệ nam giới đi bầu cử là 99,37%. Thực tế này đòi hỏi chúng ta phải có nhiều biện pháp hữu hiệu hơn nữa trong việc bảo đảm quyền bầu cử, ứng cử của phụ nữ.

3. Một số nguyên nhân và giải pháp

Mặc dù Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều cố gắng trong việc bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ, tuy nhiên trên thực tế, việc bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ còn gặp nhiều hạn chế nhất định. Điều này có thể được lý giải bởi nhiều nguyên nhân.

- *Nguyên nhân khách quan*: Một trong những nguyên nhân tác động trực tiếp đến việc bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ là do điều kiện kinh tế xã hội của đất nước còn nhiều khó khăn, người phụ nữ còn chịu nhiều gánh nặng của công việc gia đình. Họ không có điều kiện học tập nâng cao tri thức để tham gia vào đời sống chính trị, xã hội. Hơn nữa, những ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo, tâm lý truyền thống về vai trò yếu đuối của người phụ nữ còn ảnh hưởng đến xã hội hiện đại, gây áp lực đối với khả năng thực hiện quyền tham gia chính trị của phụ nữ.

- *Nguyên nhân chủ quan*: Bên cạnh những nguyên nhân khách quan kể trên, một nguyên nhân nữa làm ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền tham gia chính trị của phụ nữ, đó là sự mặc cảm, tự ti, an phận từ chính bản thân những người phụ nữ. Một số người đã không tự vượt lên khỏi những thành kiến lạc hậu, “tự trói chặt” mình vào trong vai trò nội trợ, nuôi con, vào thân phận họ với đàn ông mặc dù họ hoàn

toàn có khả năng tham gia vào các hoạt động chính trị, xã hội. Mặt khác, do đất nước ta đang trong quá trình chuyển đổi cơ chế, việc thực hiện những quy định của pháp luật về quyền tham gia chính trị của phụ nữ trong thực tế còn nhiều bất cập, hạn chế. Do vậy, để người phụ nữ thực hiện một cách hiệu quả quyền tham gia chính trị của mình như những quy định trong pháp luật, trong thời gian tới, theo chúng tôi cần tiến hành một số biện pháp sau:

Thứ nhất: Nhà nước nên có những chính sách tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia vào lao động sản xuất mang tính xã hội, học tập, rèn luyện để nâng cao tri thức, giảm bớt những gánh nặng gia đình. Đây là giải pháp quan trọng, mang tính chiến lược và lâu dài, bởi lẽ “...sự giải phóng của người phụ nữ, địa vị bình đẳng của phụ nữ so với nam giới là không thể có được và mãi mãi sẽ không thể có được chừng nào mà phụ nữ vẫn bị gạt ra ngoài lao động xã hội có tính chất sản xuất và còn phải khuôn mình trong lao động tư nhân của gia đình. Chỉ có thể giải phóng được người phụ nữ khi họ có thể tham gia sản xuất trên quy mô xã hội rộng lớn và chỉ phải làm rất ít công việc nhà” (3, tr.241). Đất nước ta đang tham gia vào toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế. Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tạo ra những ngành nghề, lĩnh vực sản xuất đa dạng, phù hợp với điều kiện của lao động nữ, tạo những điều kiện hiện đại để giảm gánh nặng công việc gia đình của phụ nữ. Với điều kiện kinh tế - xã hội ổn định, tri thức, học vấn được nâng cao, người phụ nữ sẽ quan tâm nhiều hơn đến đời sống chính trị, do đó, họ sẽ thực

hiện tốt quyền tham gia chính trị của mình.

Thứ hai: Tiếp tục rà soát và hoàn thiện các quy định về quyền tham gia chính trị của phụ nữ. Cụ thể là các quy định của pháp luật về quyền tham gia chính trị của phụ nữ cần được tiếp tục cụ thể hoá trong các văn bản pháp luật của Nhà nước để tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho người phụ nữ thực hiện tốt quyền tham gia chính trị của mình.

Thứ ba: Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục về quyền phụ nữ, quyền bình đẳng của phụ nữ trên lĩnh vực tham gia ở các cấp, các ngành và trong nhân dân. Đẩy mạnh đấu tranh chống lại các quan niệm lạc hậu về vai trò của phụ nữ trong đời sống chính trị. Các phương tiện thông tin đại chúng cần phê phán những quan niệm lạc hậu đó, đồng thời nêu những tấm gương điển hình về hoạt động tham gia của phụ nữ.

Thứ tư: Tuyên truyền giáo dục để tự bản thân người phụ nữ cũng phải xoá bỏ những mặc cảm, tự ti, vượt lên trên những thành kiến cổ hủ, mạnh dạn tham gia vào các hoạt động chính trị, xã hội để khẳng định vị trí, vai trò tham gia chính trị của mình.

Thứ năm: Thường xuyên kiểm tra, thanh tra, đánh giá về tình hình thực hiện quyền tham gia chính trị của phụ

nữ để khắc phục được những hạn chế, phát huy được những thành tựu trong việc thực hiện và bảo đảm quyền tham gia của phụ nữ.

Tóm lại, bảo đảm quyền tham gia chính trị của phụ nữ ở nước ta là một quá trình lâu dài và gian khổ vì điều kiện kinh tế xã hội của đất nước còn nhiều khó khăn, thêm vào đó, những ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến còn đè nặng lên suy nghĩ của nhiều người, nhiều gia đình. Tuy nhiên với chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta, chúng ta sẽ khắc phục được những tồn tại, bảo đảm ngày càng tốt hơn quyền tham gia của phụ nữ trong cả pháp luật và thực tiễn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh. Toàn tập. T.4. H.: Chính trị quốc gia, 1995.
2. “Những vấn đề ưu tiên và thách thức nhằm tăng cường hơn nữa vấn đề bình đẳng giới ở Việt Nam”- Bài phát biểu của bà Hà Thị Khiết, Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, ngày 18/11/2003.
3. C. Mác và Ph. Ăng- ghen. Toàn tập. T.21. H.: Chính trị quốc gia, 1995.